

**QUYẾT ĐỊNH**  
**ban hành Quy định ứng dụng công nghệ thông tin**  
**trong tổ chức đào tạo trực tuyến**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM**

Căn cứ Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 16/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum thành Trường Cao đẳng Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-LĐTBXH ngày 24/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp nghề Kon Tum thành Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về tổ chức lại Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-CDKT ngày 14/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kon Tum;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2016;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1229/QĐ-CDKT ngày 22/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công

*nhận tốt nghiệp các ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;*

*Căn cứ Quyết định số 1310/QĐ-CDKT ngày 02/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non theo phương thức tích lũy tín chỉ;*

*Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-CDKT ngày 31/01/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum giao nhiệm vụ cho các bộ môn thuộc khoa tổ chức thẩm định bài giảng điện tử;*

*Căn cứ Kế hoạch số 557/KH-CDKT ngày 13/10/2023 của Trường Cao đẳng Kon Tum triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo trực tuyến.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 106/QĐ-CDCTD ngày 08/02/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, Quyết định số 517/QĐ-CDCTD ngày 03/6/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy chế đào tạo trực tuyến và Quyết định số 461/QĐ-CDCTD ngày 11/5/2021 của Hiệu trưởng nhà trường việc ban hành hướng dẫn sử dụng phần mềm Zoom Meeting, hệ thống dạy học E-Learning và nội quy lớp học trực tuyến.

**Điều 3.** Khi các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định và Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới đó.

**Điều 4.** Trưởng các đơn vị thuộc Trường, nhà giáo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo Trường;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, QLĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Trí Khải**

**QUY ĐỊNH**  
**ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo trực tuyến****Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong tổ chức đào tạo trực tuyến gồm: Điều kiện bảo đảm, quy trình triển khai, tổ chức ứng dụng CNTT trong tổ chức đào tạo và đào tạo trực tuyến, quy trình xây dựng, thẩm định bài giảng điện tử, tổ chức lớp đào tạo trực tuyến, quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị, cá nhân thuộc Trường liên quan.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị thuộc Trường, các bộ môn, nhà giáo, học sinh, sinh viên, học viên (gọi chung là người học) và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc ứng dụng CNTT trong tổ chức đào tạo trực tuyến.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công nghệ thông tin là tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật hiện đại để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số<sup>1</sup>.

2. Ứng dụng CNTT là việc sử dụng CNTT vào các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các hoạt động này.

3. Ứng dụng CNTT trong dạy học là việc sử dụng CNTT vào quá trình giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cần thiết, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học.

4. Học liệu số (hay học liệu điện tử) là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: Giáo trình điện tử, sách giáo khoa điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, phần mềm mô phỏng/thí nghiệm ảo và các học liệu được số hóa khác.

5. Bài giảng điện tử là một tập hợp các học liệu điện tử được tổ chức lại theo một kết cấu sư phạm để có thể cung cấp kiến thức và kỹ năng cho người học một cách hiệu quả. Một bài giảng điện tử tương ứng với một đơn vị bài giảng hoặc toàn bộ học phần/môn học/mô đun.

---

<sup>1</sup> Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2016.

6. Đơn vị bài giảng là một phần của bài giảng điện tử tương ứng với một đơn vị kiến thức. Việc xác định đơn vị kiến thức thường được tính theo một nội dung trọn vẹn cần cung cấp cho người học hoặc một nội dung được cung cấp theo một đơn vị thời gian học. Một đơn vị bài giảng thường được tính tương ứng với các chương/bài trong bài giảng hoặc theo đơn vị tiết học, giờ học.

7. Hệ thống đào tạo trực tuyến là hệ thống các phần mềm, hệ thống học liệu và hạ tầng CNTT cho phép quản lý và tổ chức đào tạo thông qua môi trường internet.

8. Đào tạo trực tuyến là hình thức dạy học cho phép thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trên môi trường internet để thay thế việc dạy học trực tiếp tại các địa điểm đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp<sup>2</sup>. Trong đó:

a) Dạy học trực tuyến bằng phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến<sup>3</sup> (dạy học trực tuyến đồng bộ): Nhà giáo tổ chức, quản lý lớp học qua internet, tương tác trực tiếp người học trong quá trình dạy học.

b) Dạy học trực tuyến qua hệ thống dạy học trực tuyến của Trường (dạy học trực tuyến không đồng bộ): Là hình thức dạy học qua đó người học có thể tự học mọi lúc, mọi nơi thông qua các học liệu điện tử đa phương tiện (lời giảng, lời thuyết minh, âm thanh, hình ảnh, video, đồ họa,...) được phân phối trên hệ thống dạy học trực tuyến.

9. Đào tạo kết hợp (Blended learning) là việc kết hợp phương thức dạy học trực tuyến với phương thức dạy học trực tiếp nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo.

10. Học liệu đào tạo trực tuyến là tập hợp các tài liệu và tài nguyên được thiết kế để hỗ trợ quá trình học tập, giảng dạy và nghiên cứu trong môi trường trực tuyến như: Giáo trình, bài giảng trực tuyến, hình ảnh và biểu đồ, tài liệu điện tử, tài liệu tham khảo, phần mềm và ứng dụng học tập, tài liệu hướng dẫn; phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo, ngân hàng câu hỏi, bài kiểm tra đánh giá.

### **Điều 3. Mục đích và nguyên tắc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo trực tuyến**

#### **1. Mục đích của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo trực tuyến**

a) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong Trường, nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần tích cực và quá trình chuyển đổi số quốc gia.

b) Ứng dụng CNTT trong dạy học, tổ chức và quản lý đào tạo, ứng dụng các công cụ khảo thí hiện đại để đánh giá chất lượng đào tạo, giảm số giờ lý thuyết trên lớp học truyền thống.

<sup>2</sup> Theo khoản 3 Điều 2 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

<sup>3</sup> Tài khoản Microsoft Teams đã được cung cấp trên hệ thống O365 theo tên miền của nhà trường.

c) Tổ chức xây dựng học liệu số, triển khai đào tạo trực tuyến các học phần/môn học/mô đun hoặc các đơn vị bài giảng và đào tạo các ngành, nghề, trình độ đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập của người học.

d) Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và đáp ứng nhu cầu học tập mọi lúc, mọi nơi của người học; tăng cường tổ chức dạy học cá thể hóa người học, phát triển tư duy độc lập và sáng tạo.

## **2. Nguyên tắc của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo trực tuyến**

a) Việc ứng dụng CNTT trong dạy học phải đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; bảo đảm mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo đã ban hành; bảo đảm đánh giá khách quan, công bằng, chính xác.

b) Bảo đảm các điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật ứng dụng CNTT trong giảng dạy, hệ thống các phần mềm, các văn bản quy định và đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu tổ chức ứng dụng CNTT trong dạy học.

c) Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn thông tin, quy định về dữ liệu, thông tin cá nhân, sở hữu trí tuệ, các quy định về ứng dụng CNTT trong quản lý, tổ chức dạy học và quá quy định của pháp luật có liên quan.

## **Chương II**

### **ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG TỔ CHỨC ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN VÀ QUY TRÌNH TRIỂN KHAI**

#### **Điều 4. Điều kiện bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo trực tuyến**

1. Các phòng học lý thuyết, phòng/xưởng thực hành phải có đầy đủ các phương tiện kỹ thuật để thực hiện ứng dụng CNTT như máy chiếu Projector, màn chiếu, các thiết bị thông minh, máy tính kết nối mạng internet, wifi; camera; máy in và các thiết bị công nghệ khác.

2. Có đầy đủ học liệu điện tử phù hợp với học phần/môn học/mô đun hoặc đơn vị bài giảng phù hợp với hình thức tổ chức dạy học. Học liệu điện tử phải có nội dung đáp ứng chuẩn đầu ra, bám sát mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình đào tạo đã ban hành, có tính sư phạm cao, dễ dùng, đáp ứng được nhu cầu tự học của người học.

3. Nhà giáo có đủ năng lực để xây dựng, khai thác học liệu số; sử dụng thành thạo các thiết bị công nghệ (như smart phone, smart TV, laptop, máy tính bảng, máy chiếu Projector, bảng tương tác,...); có khả năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng/phần mềm, hệ thống dạy học trực tuyến phục vụ cho việc dạy học, kiểm tra đánh giá.

4. Người học có kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng/phần mềm phục vụ cho việc học tập; có thiết bị phục vụ học tập

(đặc biệt là tự học) như smart phone, laptop, máy tính bàn, máy tính bảng hoặc các thiết bị số khác có kết nối internet.

5. Hệ thống máy chủ phục vụ dạy học và hạ tầng CNTT, kết nối mạng internet, băng thông đáp ứng nhu cầu truy cập phục vụ công tác giảng dạy, học tập và làm việc.

### **Điều 5. Điều kiện tổ chức, quản lý đào tạo trực tuyến**

1. Hệ thống dạy học trực tuyến phục vụ công tác giảng dạy và học tập gồm các hợp phần chính: Trang thông tin dạy học trực tuyến, hệ thống quản lý học tập, học liệu điện tử, các phương thức tương tác (diễn đàn trao đổi, chia sẻ trực tuyến), hệ thống kiểm tra, đánh giá người học, nhà giáo, quản lý hoạt động nhà giáo và quản trị hệ thống.

2. Quản lý nội dung học tập cho phép tổ chức lưu trữ và phân phát các học liệu điện tử như giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu được số hóa, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, mô phỏng,... đến người học.

3. Quản lý học tập cho phép người học truy cập vào các nội dung học tập qua mạng như đã đăng ký và có thể tự học, tự đánh giá, nắm bắt được tiến trình, kết quả học tập của bản thân; nhà trường quản lý điểm, tiến trình học tập của người học và các hoạt động của nhà giáo trên môi trường mạng; cung cấp diễn đàn trao đổi và các công cụ hỗ trợ khác để người học có thể trao đổi với nhà giáo và các phòng, khoa của Trường về các vấn đề liên quan đến học qua mạng.

4. Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, ngân hàng đề thi tự luận phù hợp với đặc thù kiểm tra đánh giá của học phần/môn học/mô đun.

5. Sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến của Trường tại địa chỉ <https://elearning.cdkontum.edu.vn/> (dạy học trực tuyến không đồng bộ) hoặc dạy học trực tuyến bằng phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến (dạy học trực tuyến đồng bộ).

### **Điều 6. Quy trình triển khai**

Căn cứ chương trình đào tạo đã được nhà trường ban hành, các nội dung thuộc học phần/môn học/mô đun và dự kiến các ngành, nghề, trình độ đào tạo theo hình thức trực tuyến. Các khoa, bộ môn triển khai tổng hợp và đăng ký đào tạo trực tuyến theo năm học, kỳ học, quy trình triển khai như sau:

**Bước 1:** Phòng quản lý Đào tạo tham mưu kế hoạch triển khai ứng dụng CNTT trong tổ chức đào tạo trực tuyến theo ngành, nghề, trình độ đào tạo, học phần/môn học/mô đun theo từng năm học, kỳ học theo mẫu tại Phụ lục I. Trước ngày 30/7 hằng năm.

**Bước 2:** Các khoa dự kiến ngành, nghề đào tạo trực tuyến, chỉ đạo bộ môn triển khai cho nhà giáo đăng ký xây dựng bài giảng điện tử các học phần/môn học/mô đun dự kiến phân công giảng dạy trực tuyến trong năm học, đăng ký theo mẫu tại Phụ lục ở Bước 1.

**Bước 3:** Phòng Quản lý Đào tạo tổng hợp và tham mưu thông báo danh sách các ngành, nghề, trình độ đào tạo và danh sách các học phần/môn học/mô đun hoặc đơn vị bài giảng đào tạo trực tuyến của các khoa đã đăng ký ở Bước 2.

**Bước 4:** Nhà giáo xây dựng/cập nhật bài giảng điện tử và chuẩn bị học liệu số theo học phần/môn học/mô đun được dự kiến phân công, thiết kế kịch bản xây dựng bài giảng điện tử theo mẫu tại Phụ lục II và hoàn thành công tác xây dựng/cập nhật bài giảng, báo cáo kết quả xây dựng/cập nhật bài giảng điện tử theo mẫu tại Phụ lục III, nộp về bộ môn tổ chức thẩm định trước khi giảng dạy.

**Bước 5:** Bộ môn tổ chức thẩm định, kiểm duyệt nội dung bài giảng điện tử và học liệu số của nhà giáo trước khi tổ chức giảng dạy theo danh sách các ngành, nghề, trình độ đào tạo và danh sách các học phần/môn học/mô đun hoặc đơn vị bài giảng đào tạo trực tuyến tại thông báo ở Bước 3. Mẫu phiếu thẩm định bài giảng điện tử tại Phụ lục IV; Biên bản thẩm định bài giảng điện tử tại Phụ lục V, Tác giả/Tổ xây dựng bài giảng điện tử báo cáo tiếp thu, giải trình tại Phụ lục VI và bộ môn, khoa tổng hợp báo cáo kết quả thẩm định bài giảng điện tử tại Phụ lục VII.

**Bước 6:** Tổ chức đào tạo trực tuyến.

### Chương III

## ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG TỔ CHỨC ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN

**Điều 7. Các hình thức ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo trực tuyến**

1. Dạy học trên lớp bằng bài giảng điện tử với sự hỗ trợ của phương tiện kỹ thuật dạy học.

2. Dạy học trực tuyến: Dạy học trực tuyến bằng phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến<sup>4</sup> hoặc dạy học trực tuyến qua hệ thống dạy học trực tuyến của Trường tại địa chỉ <https://elearning.cdkontum.edu.vn/>.

3. Khai thác, ứng dụng các phần mềm/thiết bị mô phỏng, phần mềm/thiết bị thực tế ảo, phần mềm thí nghiệm ảo, phần mềm chuyên môn chuyên ngành vào quá trình giảng dạy và học tập.

4. Tìm kiếm tài liệu, tra cứu thông tin trên mạng internet để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

5. Tham khảo, khai thác, sử dụng các học liệu điện tử trong quá trình giảng dạy và học tập.

6. Khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý đào tạo, trang thông tin điện tử Trường trong việc cập nhật, tra cứu kết quả học tập và rèn luyện, thời khóa biểu, lịch thi,...

<sup>4</sup> Tài khoản Microsoft Teams đã được cung cấp trên hệ thống O365 theo tên miền của nhà trường.

7. Sử dụng có hiệu quả mạng xã hội trong việc tạo lập các nhóm quản lý, điều hành lớp học và hỗ trợ cho việc học tập và nghiên cứu của người học.

8. Sử dụng thư điện tử (e-mail) để trao đổi, liên lạc, hỗ trợ học tập giữa nhà giáo và người học, giữa người học với người học thông qua việc giao nhiệm vụ học tập và thu nhận kết quả học tập từ người học.

9. Sử dụng các phần mềm trộn đề thi trắc nghiệm để tạo ra các đề kiểm tra, thi phục vụ cho việc đánh giá quá trình học tập của người học; sử dụng các ứng dụng trực tuyến để tổ chức kiểm tra đánh giá quá trình học tập của người học, có chấm điểm tự động và thống kê kết quả kiểm tra.

10. Sử dụng có hiệu quả các ứng dụng của Google, Onedrive và các ứng dụng khác trong tổ chức dạy học như quản lý, tổ chức, thu thập, chia sẻ bài giảng/học liệu; tổ chức khảo sát lấy ý kiến người học.

### **Điều 8. Bài giảng điện tử**

Bài giảng điện tử được xây dựng phải bảo đảm:

- Thương hiệu và bản quyền của Trường.
- Chính xác về nội dung khoa học và bảo đảm về kiến thức, kỹ năng theo chương trình đào tạo đã ban hành.
- Tính tương thích của bài giảng đối với chuẩn thông dụng của quốc tế.
- Tính tương thích của bài giảng đối với hệ thống đào tạo trực tuyến và các hệ thống thông tin khác của Trường.

#### **1. Bài giảng điện tử mức 1**

Là bài giảng được xây dựng dưới dạng trình chiếu (Presentation) slide điện tử, có thể tạo từ Powerpoint của Microsoft Office, Impress của Open Office hay một phần mềm trình diễn tương tự với mục đích làm tư liệu phục vụ giảng dạy và học tập trên cơ sở bài giảng hoặc giáo trình đã được nhà trường thẩm định.

a) Yêu cầu về nội dung kiến thức: Phải tuân thủ nội dung bài giảng đã được thẩm định.

b) Yêu cầu về cấu trúc: Mỗi bài giảng gồm nhiều bản trình chiếu tương ứng với một đơn vị bài giảng.

- Bản trình chiếu đầu tiên giới thiệu thông tin chung về học phần/môn học/mô đun, như tên học phần/môn học/mô đun, số tín chỉ, nhà giáo phụ trách, mục tiêu, tiêu đề các chương/bài.

- Các bản trình chiếu tiếp sau là các đơn vị bài giảng trình bày nội dung học phần/môn học/mô đun. Mỗi đơn vị bài giảng cần giới thiệu tiêu đề đơn vị bài giảng, mục tiêu, nội dung, tài liệu tham khảo,...

- Có thể bố trí các đơn vị bài giảng ở file độc lập nhau, sau đó thiết kế bản trình chiếu chính giới thiệu thông tin chung về học phần/môn học/mô đun, cấu trúc học phần/môn học/mô đun và liên kết đến các bài giảng của học phần/môn học/mô đun.

c) Một số khuyến cáo về hình thức slide và giảng dạy với slide:

- Bản trình chiếu nhằm mục đích hỗ trợ giảng bài, thể hiện nội dung tóm tắt và những điểm nhấn của bài giảng.

- Thông tin trên mỗi slide phải ngắn gọn, dễ hiểu để người học không bị cuốn hút và mất thời gian nhiều vào việc đọc thông tin trên slide làm giảm chú ý đến nghe lời thoại của nhà giáo. Vì vậy trên slide không được viết theo kiểu toàn văn, nhà giáo không được giảng theo kiểu đọc toàn bộ nội dung slide. Mỗi slide không nên quá 10 dòng, mỗi dòng không nên quá 20 từ.

- Không nên sử dụng quá nhiều slide trong một giờ học có thể gây lấn át thời gian giảng trực tiếp. Số lượng slide chỉ nên ở mức 12 đến 20 slide cho một giờ học.

- Các slide phải có logo của Trường và nhất quán cách trình bày như cỡ chữ, tông màu, cách bố trí tiêu đề.

- Slide cuối cùng của mỗi bài trình chiếu cần hệ thống lại các nội dung hay điểm cần lưu ý về kiến thức của mô đun tương ứng bằng sơ đồ.

- Màu sắc phải hài hoà, phối màu phải dễ đọc. Không nên dùng các màu mạnh hoặc tạo tương phản cao để gây mệt mỏi cho người học. Không dùng quá 4 màu trong 1 slide. Chỉ dùng các hiệu ứng động (nhấp nháy, thay hình, hay chạy gây sự chú ý) khi các hiệu ứng này dễ cho việc tiếp nhận thông tin (như tạo một cảm nhận trực quan, dễ nhớ).

- Không sai chính tả, sử dụng tiêu chuẩn tiếng Việt TCVN 6909/2001 với bộ mã dựng sẵn (precomposed).

Bài giảng điện tử mức 1 không nhất thiết đưa lên mạng. Nếu đưa lên mạng cần chuyển sang định dạng pdf có lưu ý về bản quyền và có bảo vệ chống sửa.

## **2. Bài giảng điện tử mức 2**

Là việc xây dựng một bài giảng số hoá với yêu cầu cao hơn bài giảng điện tử mức 1. Nhà giáo phải có học liệu số hóa dạng hình ảnh, âm thanh, video, câu hỏi kiểm tra,...) giúp người học dễ tiếp thu, dễ ghi nhớ bài giảng. Loại bài giảng này không chỉ hỗ trợ cho nhà giáo chuẩn bị và giảng bài mà còn hỗ trợ cho người học một số học liệu điện tử. Tuy nhiên, các học liệu có thể chưa đầy đủ, chi tiết và chưa được tổ chức một cách bài bản đến mức người học có thể tự học.

Bài giảng điện tử mức 2 cần được thẩm định trước khi giảng dạy và đăng tải lên hệ thống đào tạo trực tuyến của Trường cho người học tham khảo và cần chuyển sang định dạng pdf và đóng gói các học liệu số như: Âm thanh, hình ảnh, video,... có chống sửa đổi để bảo vệ quyền tác giả.

## **3. Bài giảng điện tử mức 3 (bài giảng E-Learning)**

Là loại bài giảng điện tử hoàn chỉnh về nội dung, có tính sư phạm và giao diện đẹp, được tạo ra từ các công cụ tạo bài giảng (authoring tools), có khả năng tích hợp đa phương tiện (multimedia) gồm video, hình ảnh, đồ họa, hoạt hình, âm thanh,... và được đóng gói theo chuẩn SCORM. Có thể dùng để học ngoại tuyến

(offline) hoặc trực tuyến (online) mọi lúc, mọi nơi và có khả năng tương tác với người học, giúp người học có thể tự học không cần đến lớp.

a) Yêu cầu về nội dung kiến thức: Phải tuân thủ nội dung giáo trình đã được phê duyệt.

b) Yêu cầu về cấu trúc bài giảng:

- Mỗi bài giảng được cấu trúc thành các đơn vị bài giảng.

- Mỗi đơn vị bài giảng cần giới thiệu thông tin về bài giảng, nhà giáo giảng dạy; giới thiệu mục tiêu, nội dung bài giảng; các nội dung dạy học theo kịch bản; câu hỏi, bài tập trắc nghiệm; tài liệu tham khảo (tên tài liệu tham khảo hoặc liên kết đến tài liệu tham khảo); tổng kết và giới thiệu nội dung bài giảng tiếp theo.

Đóng gói theo từng đơn vị bài giảng để thuận tiện cho việc phân phối trên mạng. Khi đóng gói, bài giảng và các học liệu sẽ được tích hợp trong một thể thống nhất.

c) Yêu cầu về thời lượng: Thời gian mỗi đơn vị bài giảng không quá 30 phút; thời lượng 1 video không quá 10 phút.

d) Yêu cầu về công nghệ và kỹ thuật:

- Đối với bài giảng E-Learning: Khung hình (slide) tỷ lệ 16:9; đóng gói hoàn chỉnh, xuất bản dưới dạng web, bài giảng có thể đọc được trên các thiết bị di động như máy tính bảng, điện thoại di động (chuẩn HTML5), khuyến khích áp dụng các chuẩn đóng gói bài giảng (như SCORM, xAPI); hình ảnh, âm thanh phải sắc nét, kết hợp tốt giữa các yếu tố như âm thanh, hình ảnh, hiệu ứng, nghe, nhìn, thao tác, tương tác.

- Đối với video: Yêu cầu xuất bản theo định dạng .MP4; tỷ lệ khung hình 16:9 và độ phân giải tối thiểu 1280x720 pixel, phù hợp xem trên máy tính xách tay, máy tính để bàn hoặc các thiết bị cầm tay khác.

## **Điều 9. Quy trình xây dựng, thẩm định bài giảng điện tử**

### **1. Quy trình xây dựng bài giảng điện tử**

a) Xác định mục tiêu và nội dung của bài học

- Nhà giáo cần bám sát nội dung chương trình đào tạo đã ban hành, nghiên cứu kỹ giáo trình và tài liệu tham khảo, xác định nội dung trọng tâm của bài học.

- Xác định mục tiêu của bài học: Chỉ rõ sau khi học xong bài học, người học có được khả năng gì. Mục tiêu ở đây là mục tiêu học tập, chứ không phải là mục tiêu giảng dạy, tức là chỉ ra sản phẩm mà người học có được sau bài học.

- Những nội dung đưa vào bài giảng phải được chọn lọc từ các tài liệu, được sắp xếp một cách logic, khoa học, bảo đảm tính sư phạm và thực tiễn cao.

b) Xây dựng kho tư liệu cho bài giảng

- Chuẩn bị các tư liệu cho bài giảng có thể là văn bản, tranh, ảnh, hình vẽ, bản đồ, biểu đồ, âm thanh, video clip, mô phỏng/thực tế ảo; hệ thống những bài

tập, câu hỏi trắc nghiệm và đáp án trả lời hoặc hướng dẫn trả lời. Mỗi tư liệu được tổ chức thành file độc lập để dễ dàng cho việc tái sử dụng.

- Nguồn tư liệu có thể lấy từ một phần mềm dạy học nào đó hoặc thu thập từ internet,... hoặc được xây dựng mới bằng đồ họa, bằng ảnh quét, ảnh chụp, quay video, bằng các phần mềm đồ họa chuyên dụng hoặc công cụ AI.

- Xử lý các tư liệu thu được để nâng cao chất lượng về hình ảnh, âm thanh. Khi sử dụng các đoạn video, hình ảnh, âm thanh cần phải bảo đảm các yêu cầu về mặt nội dung, phương pháp, thẩm mỹ và ý đồ sư phạm.

- Sau khi có được đầy đủ tư liệu cần dùng cho bài giảng điện tử, phải tiến hành sắp xếp tổ chức lại thành thư viện tư liệu, tức là tạo được cây thư mục hợp lý. Cây thư mục hợp lý sẽ tạo điều kiện tìm kiếm thông tin nhanh chóng và giữ được các liên kết trong bài giảng đến các tập tin âm thanh, video clip khi sao chép bài giảng từ ổ đĩa nay sang ổ đĩa khác, từ máy này sang máy khác.

c) Thiết kế kịch bản, theo mẫu tại Phụ lục II.

- Cần thực hiện chi tiết và cần phải tuân thủ các nguyên tắc sư phạm, nội dung cơ bản, bảo đảm mục tiêu bài học (cả về mặt kiến thức và kỹ năng).

- Xây dựng các bước dạy học, xây dựng sự tương tác người dạy và người học, việc sử dụng các học liệu điện tử, xây dựng các câu hỏi tương tác, lắp ghép các bước lại thành quá trình dạy học.

d) Lựa chọn phần mềm và số hóa kịch bản

- Tiêu chí: Cần căn cứ vào nhu cầu của người sử dụng, căn cứ vào nguồn tài chính, căn cứ vào mức độ thành thạo trong sử dụng.

- Các công cụ để xây dựng bài giảng điện tử: Thông thường là Microsoft Powerpoint, Adobe Presenter, Lecture Marker, iSpring, eXe, Reload, các công cụ xử lý âm thanh, biên tập video,... hoặc sử dụng các công cụ phù hợp khác theo sự phát triển của công nghệ.

- Các bước để số hóa kịch bản: Xây dựng được bài giảng bằng Microsoft Powerpoint hoặc phần mềm chuyên dụng khác. Quá trình xây dựng phải bảo đảm các bước trong quá trình dạy học; ghi âm, thu hình (quay video nhà giáo giảng bài); biên tập video, âm thanh; sử dụng phần mềm để đồng bộ bài giảng.

đ) Chạy thử, sửa lỗi (nếu có) và đóng gói: Chạy thử bài giảng, kiểm soát lỗi và chỉnh sửa bài giảng. Sau đó, đóng gói bài giảng theo định dạng phù hợp với mục đích yêu cầu.

## **2. Thẩm định bài giảng điện tử**

Bài giảng điện tử ở mức 1, nhà giáo nộp về bộ môn theo dõi, quản lý và lưu trữ. Bài giảng điện tử mức 2, mức 3 phải được bộ môn tổ chức thẩm định trước khi đưa vào sử dụng bảo đảm các quy định tại Điều 8 của Quy định này. Số lượng thành viên tham gia thẩm định do Trưởng bộ môn quyết định. Hồ sơ thẩm định gồm: Kịch bản xây dựng bài giảng điện tử theo mẫu tại Phụ lục II, báo cáo kết quả xây dựng/cập nhật bài giảng điện tử theo mẫu tại Phụ lục III, phiếu thẩm định

bài giảng điện tử theo mẫu tại Phụ lục IV; Biên bản thẩm định bài giảng điện tử theo mẫu tại Phụ lục V, Tác giả/Tổ xây dựng bài giảng điện tử báo cáo tiếp thu, giải trình theo mẫu tại Phụ lục VI và bộ môn, khoa tổng hợp báo cáo kết quả thẩm định bài giảng điện tử theo mẫu tại Phụ lục VII.

### **Điều 10. Khối lượng kiến thức được tổ chức đào tạo trực tuyến**

1. Khối lượng kiến thức được tổ chức đào tạo trực tuyến thực hiện theo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp theo từng ngành, nghề và trình độ đào tạo. Đối với những ngành, nghề chưa ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp thì phải bảo đảm đáp ứng quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 04/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên.

2. Các học phần/môn học/mô đun tổ chức đào tạo trực tuyến được xác định trong chương trình đào tạo của từng ngành, nghề trên cơ sở tổng hợp của phòng Quản lý Đào tạo từ các khoa đăng ký và được Hiệu trưởng xem xét và thông qua.

- Hình thức đào tạo trực tuyến của mỗi học phần/môn học/mô đun là toàn phần (100%) hoặc từng phần (cần ghi rõ tỉ lệ % trong kế hoạch đào tạo).

- Trong trường hợp cần thay đổi hình thức đào tạo trực tuyến sang đào tạo trực tiếp và ngược lại thì khoa làm đề nghị trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

3. Việc xây dựng và công bố thời khoá biểu được thực hiện theo quy định của quy chế đào tạo hiện hành của nhà trường, bảo đảm nhà giáo và người học được cung cấp đầy đủ thông tin về kế hoạch đào tạo.

### **Điều 11. Tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo trực tuyến**

1. Tất cả nhà giáo tham gia giảng dạy lựa chọn các hình thức ứng dụng CNTT phù hợp được quy định tại Điều 7 của Quy định này để thực hiện trong quá trình dạy học và đăng ký cấp độ thực hiện cho từng học phần/môn học/mô đun hoặc đơn vị bài giảng được phân công theo 3 mức quy định tại Điều 8 Quy định này về bộ môn đầu mỗi năm học.

2. Nhà giáo phải xây dựng và giảng dạy bằng bài giảng điện tử (tối thiểu là bài giảng điện tử mức 1) đối với tất cả các học phần/mô đun/môn học được phân công giảng dạy, chú trọng nghiên cứu chương trình, nội dung dạy học xây dựng học liệu điện tử đa phương tiện đối với những nội dung phù hợp. Đối với các học

phần/môn học/mô đun thực hành, nhà giáo phải xây dựng video hướng dẫn quy trình thực hành theo từng kỹ năng hoặc tiểu kỹ năng và cấu trúc hợp lý, thuận tiện cho việc điều hướng trong sử dụng.

3. Bảo đảm các điều kiện cho đào tạo trực tuyến đối với ít nhất 30% học phần/môn học/mô đun của ngành, nghề đào tạo và triển khai trên hệ thống dạy học trực tuyến của Trường.

#### 4. Tổ chức dạy học trực tuyến

a) Việc tổ chức dạy học trực tuyến và các hình thức dạy học trực tuyến được thực hiện một cách linh hoạt; bảo đảm điều kiện dạy - học, thực hiện đúng quy chế đào tạo; nội dung, khối lượng kiến thức theo đúng chương trình đào tạo ban hành, tạo cơ hội học tập cho người học, đáp ứng các quy định về ứng dụng CNTT trong tổ chức đào tạo trực tuyến.

b) Tổ chức dạy học trực tuyến bằng các hình thức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 của Quy định này. Nhà giáo lựa chọn hình thức phù hợp trong từng điều kiện cụ thể.

c) Nhà giáo xác định, đăng ký nội dung, thời lượng trong chương trình học phần/môn học/mô đun cần chuyển đổi từ giảng dạy trực tiếp sang trực tuyến và được thể hiện trong chương trình môn học; xây dựng học liệu điện tử, đề xuất bộ môn thẩm định và triển khai thực hiện.

d) Trên cơ sở các học phần/môn học/mô đun nhà giáo đăng ký giảng dạy trực tuyến đã được nhà trường phê duyệt, phòng Quản lý Đào tạo khởi tạo, quản lý các lớp học trực tuyến (tạo/quản lý tài khoản cho nhà giáo, người học mới (lần đầu), tạo và quản lý các khoá học trên hệ thống, bổ nhiệm vai trò nhà giáo, người học cho các khoá học/lớp học/học phần/mô đun).

### **Điều 12. Thời gian giảng dạy và nội quy lớp học trực tuyến**

1. Đối với phương thức dạy học trực tuyến bằng phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến: Một ngày học trực tuyến không quá 5 giờ (45 phút/giờ học lý thuyết), trong đó mỗi giờ học có tối thiểu từ 20 - 30 phút giảng dạy trực tuyến, trực tiếp (nếu có thể), thời gian còn lại để giảng dạy trực tuyến gián tiếp, trao đổi, giải đáp thắc mắc, giao bài tập cho người học. Trường hợp việc truy cập internet của người học không ổn định thì nhà giáo sử dụng toàn thời gian nêu trên vào việc giảng dạy trực tuyến gián tiếp (trực tuyến không đồng bộ)<sup>5</sup>. Thời gian đào tạo đối với phương thức đào tạo qua hệ thống đào tạo trực tuyến của Trường được thực hiện theo thời gian thực của từng đơn vị bài giảng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy định này và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến bài giảng thuộc chương trình đào tạo nhà trường ban hành.

2. Thời gian học tập và các hoạt động trong một ngày học trực tuyến có thể thực hiện linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế của nhà trường do khoa phối hợp với phòng Quản lý Đào tạo đề xuất trình Hiệu trưởng quyết định.

<sup>5</sup> Công văn số 1301/LĐTĐBXH-TCGDNN ngày 14/4/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá trong đào tạo trực tuyến.

3. Nội quy lớp học trực tuyến theo quy định tại Phụ lục VIII kèm theo.

### **Điều 13. Tổ chức lớp học trực tuyến**

1. Việc tổ chức lớp học trực tuyến được thực hiện theo lớp học truyền thống (lớp học trực tiếp tại Trường) và được duy trì bằng các phần mềm, ứng dụng đào tạo đang sử dụng của nhà trường.

2. Nhà giáo giảng dạy trực tuyến thực hiện việc quản lý lớp, lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định hiện hành.

3. Một giờ giảng dạy theo phương thức trực tuyến (kể cả trực tuyến đồng bộ hoặc trực tuyến không đồng bộ) của nhà giáo được tính tương đương với một giờ học trong chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

4. Thời gian học tập và các hoạt động trong một ngày học trực tuyến có thể thực hiện linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện và hoàn cảnh thực tế của nhà trường.

### **Điều 14. Quy định về học trực tuyến trên hệ thống dạy học trực tuyến của Trường**

1. Nhà giáo giảng dạy chuẩn bị đầy đủ tài liệu, bài giảng phục vụ đào tạo trực tuyến theo đúng quy định của Trường;

2. Người học đăng nhập, học trực tuyến theo hướng dẫn của nhà giáo.

3. Người học tham gia vào nội dung học đầu tiên “Giới thiệu về E-Learning” (*áp dụng cho người tham gia học trực tuyến lần đầu tiên trên hệ thống của nhà trường*);

4. Người học đăng nhập vào bài giảng để học tập theo thời gian, quy định được thiết lập cho từng học phần/môn học/mô đun;

5. Người học thực hành qua các bài tập, các đề ôn tập có sẵn trên hệ thống và làm các bài kiểm tra thử (không giới hạn số lần làm bài);

6. Người học phải làm số bài kiểm tra có sẵn trên hệ thống của học phần/môn học/mô đun theo quy định chương trình đào tạo ban hành.

7. Sau khi thực hiện đầy đủ các yêu cầu của học phần/môn học/mô đun người học được tham dự kỳ thi kết thúc học phần/môn học/mô đun. Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng phối hợp với bộ môn Công nghệ thông tin tổ chức thi kết thúc học phần cho người học trên hệ thống dạy học trực tuyến/hệ thống quản lý đào tạo của Trường.

### **Điều 15. Quy định về học trực tuyến qua phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến**

1. Nhà giáo đăng nhập tài khoản nhà giáo được cấp đối với phần mềm dạy học trực tuyến.

2. Người học đăng nhập vào phần mềm dạy học trực tuyến theo hướng dẫn của nhà giáo và học trực tuyến trực tiếp từ nhà giáo.

3. Nhà giáo giảng dạy trực tuyến trực tiếp phải thực hiện các hoạt động trong đào tạo theo đúng quy định và được hưởng chế độ giảng dạy như lớp học truyền thống theo quy định chế độ làm việc nhà giáo của nhà trường hiện hành.

4. Phòng Quản lý Đào tạo chịu trách nhiệm và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến đào tạo của các lớp học trực tuyến theo đúng quy định.

5. Bộ môn Công nghệ thông tin có trách nhiệm phối hợp xử lý kỹ thuật cho các lớp học trực tuyến khi có vướng mắc xảy ra.

### **Điều 16. Quy định về học trực tuyến trên hệ thống dạy học trực tuyến của Trường kết hợp dạy học trực tiếp**

1. Người học có trách nhiệm tham gia nội dung bài giảng và nội dung luyện tập đã có sẵn trên hệ thống dạy học trực tuyến và tham gia các giờ học trực tiếp theo kế hoạch đào tạo.

2. Nhà giáo chuẩn bị đầy đủ học liệu để người học học tập trước khi giảng dạy, chịu trách nhiệm về toàn bộ các nội dung liên quan đến công tác giảng dạy của học phần/môn học/mô đun được phân công.

### **Điều 17. Đánh giá kết quả học tập**

Các hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ hoặc thi kết thúc học phần/môn học/mô đun theo hình thức trực tuyến được thực hiện theo quy định hiện hành về Quy chế đào tạo của nhà trường.

## **Chương IV**

### **QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN THAM GIA ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG TÔ CHỨC ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN**

#### **Điều 18. Quyền hạn và trách nhiệm của nhà giáo**

1. Được tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng CNTT, nâng cao năng lực xây dựng bài giảng điện tử, kỹ năng dạy học qua mạng, kỹ năng sử dụng hệ thống trực tuyến và các phần mềm khác phục vụ cho giảng dạy.

2. Đề xuất bộ môn thẩm định bài giảng điện tử trước khi giảng dạy, đề xuất trang bị phương tiện kỹ thuật dạy học.

3. Chịu trách nhiệm về nội dung bài giảng, các học liệu điện tử và các thông tin trao đổi, thảo luận trên mạng, hệ thống dạy học trực tuyến được quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ ngày 25 tháng 6 năm 2019.

4. Giải đáp, phản hồi kịp thời những thắc mắc, câu hỏi thảo luận của người học trong quá trình dạy học.

#### **Điều 19. Quyền hạn và trách nhiệm của người học**

1. Được cung cấp đầy đủ các học liệu điện tử liên quan đến học phần/môn học/mô đun để thuận tiện cho học tập, nghiên cứu; được giải pháp các thắc mắc, phản hồi về câu hỏi thảo luận trên diễn đàn, qua mạng.

2. Được cung cấp tài khoản để sử dụng hệ thống dạy học trực tuyến khi nhà trường tổ chức dạy học trực tuyến, tài khoản sử dụng hệ thống quản lý để tra cứu kết quả kiểm tra, thi.

3. Được hướng dẫn sử dụng hệ thống dạy học trực tuyến, phần mềm dạy học trực tuyến và các học liệu điện tử để phục vụ cho việc học tập.

4. Phải bảo vệ tài khoản của mình, không cung cấp tài khoản của mình cho người khác sử dụng, chịu trách nhiệm về các nội dung thắc mắc, câu hỏi thảo luận đưa lên diễn đàn, qua mạng.

5. Hoàn thành các nhiệm vụ do nhà giáo giao đúng thời gian quy định; tham gia nghiêm túc việc học trực tuyến qua hệ thống hoặc qua phần mềm về thời gian, nội dung học tập.

### **Điều 20. Quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị thuộc Trường, các bộ môn**

1. Đề xuất triển khai dạy học trực tuyến đối với các ngành, nghề, trình độ đào tạo, các học phần/ môn học/mô đun thuộc chương trình đào tạo do đơn vị quản lý và tổ chức đào tạo.

2. Rà soát, đề xuất các điều kiện, phần mềm, trang thiết bị phục vụ cho việc ứng dụng CNTT trong dạy học.

3. Bộ môn tổ chức thẩm định bài giảng điện tử phục vụ đào tạo theo danh mục đã đăng ký hằng năm trước khi tổ chức giảng dạy.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 21. Hiệu lực thi hành**

Quy định này có hiệu lực thi hành theo hiệu lực của Quyết định ban hành.

#### **Điều 22. Trách nhiệm thi hành**

1. Trưởng các đơn vị thuộc Trường phổ biến nội dung của Quy định này đến từng nhà giáo, người học thuộc đơn vị biết; chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định này.

2. Giao phòng Quản lý Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Trường có liên quan chịu trách nhiệm giúp Hiệu trưởng nhà trường theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị báo cáo về phòng Quản lý Đào tạo tổng hợp, đề xuất với Hiệu trưởng nhà trường để xem xét, sửa đổi và bổ sung cho phù hợp./.

---